

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ BA ĐỒN  
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2022/HNGĐ-ST  
Ngày 19 - 9 - 2022  
“V/v Ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BA ĐỒN, TỈNH QUẢNG BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trương Thị Hà

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Quốc Đồng
2. Ông Mai Văn Chương

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Kiều Phương - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình.

Ngày 19 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Quảng Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 63/2022/TLST- HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2022, về việc “Ly hôn, nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1985

Nơi cư trú: Đội 5, thôn V, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình

1. Bị đơn: Anh Nguyễn T, sinh năm 1975

Nơi cư trú: Đội 5, thôn V, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình

(Chị L có mặt, anh T vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện về việc ly hôn ngày 09/6/2022, bản tự khai, nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày:*

Chị và anh Nguyễn T có quá trình tìm hiểu và kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q vào ngày 13/02/2004. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc và sinh được 03 con nhưng thời gian gần đây xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không phù hợp, hoàn cảnh gia đình lại khó khăn dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, hai bên gia đình nội ngoại đã góp ý, hòa giải để vợ chồng hàn gắn nhưng anh Thịn vẫn chứng nào tật đó, thường xuyên chửi bới vợ, con. Vì vậy, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ

chồng không còn nên làm đơn xin được ly hôn với anh T để ổn định cuộc sống sau này.

Quá trình chung sống vợ chồng có 03 con chung: Nguyễn Duy Đ, sinh ngày 29/9/2004; Nguyễn Thị Yến N, sinh ngày 26/01/2007 và Nguyễn Duy P, sinh ngày 02/8/2010. Nếu vợ chồng ly hôn thì nguyện vọng của chị xin được nuôi cả 03 con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con hàng tháng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Theo Đơn xin xét xử vắng mặt ngày 16/8/2022, anh Nguyễn T trình bày:*

Anh và chị L có quá trình tìm hiểu và đi đến hôn nhân đúng như chị L trình bày. Tuy nhiên, trong cuộc sống do tính tình không phù hợp, hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, bất đồng quan điểm. Hiện tại vợ chồng đã sống ly thân mỗi người một nơi, không quan tâm gì đến nhau. Nay chị L làm đơn xin ly hôn thì anh cũng nhất trí.

Quá trình chung sống vợ chồng có 03 con chung như chị L đã trình bày. Nếu ly hôn anh đồng ý giao cả 03 con cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, vì chị L có đủ điều kiện nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về thẩm quyền: Chị Nguyễn Thị L có đơn yêu cầu ly hôn anh Nguyễn T, hiện tại anh T có hộ khẩu thường trú tại xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vì vậy, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Quảng Bình.

- Về sự vắng mặt của bị đơn: Tại phiên toà vắng mặt bị đơn anh Nguyễn T, song xét thấy do điều kiện, công việc nên anh T đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt anh Nguyễn T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh T có quá trình tìm hiểu và đi đến hôn nhân là hoàn toàn tự nguyện, đã đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, thị xã B. Vì vậy, quan hệ hôn nhân của anh chị là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên, quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh T đã xảy ra mâu thuẫn, tình cảm, quan hệ vợ chồng, cuộc sống chung giữa hai bên không còn, hiện tại chị L và anh T đã sống ly thân, không còn quan tâm gì đến nhau, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ sống chung của vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không

thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 và khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn với anh Nguyễn T là hoàn toàn phù hợp.

[3] Về con chung: Qua lời trình bày của chị L và anh T thì vợ chồng có 03 con chung là Nguyễn Duy Đ, sinh ngày 29/9/2004; Nguyễn Thị Yến N, sinh ngày 26/01/2007 và Nguyễn Duy P, sinh ngày 02/8/2010. Nếu vợ chồng ly hôn thì nguyện vọng của chị L xin được nuôi cả 03 con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con hàng tháng và anh T cũng đồng ý.

Xét thấy, từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay, các con đều ở với chị L, chị L cũng có công việc, thu nhập ổn định nên có khả năng để nuôi các con. Mặt khác cả 03 cháu đều có nguyện vọng xin được ở với mẹ để ổn định cuộc sống và học tập. Vì vậy, xét nguyện vọng xin được nuôi cả ba con của chị L là hoàn toàn chính đáng, cần căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, giao 03 con chung cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp. Anh T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con do chị L không yêu cầu

[4] Về tài sản chung: Chị L và anh T trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải nộp toàn bộ án phí ly hôn để sung vào công quỹ nhà nước theo đúng quy định của pháp luật

[6] Về quyền kháng cáo: Các bên đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 và khoản 2 Điều 56, Điều 57, khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016:

1. Xét xử vụ án vắng mặt bị đơn anh Nguyễn T
2. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của chị Nguyễn Thị L. Xử cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Nguyễn T.
3. Về quan hệ con chung: Giao 03 con chung Nguyễn Duy Đ, sinh ngày 29/9/2004; Nguyễn Thị Yến N, sinh ngày 26/01/2007 và Nguyễn Duy P, sinh ngày 02/8/2010 cho chị L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, anh T không phải cấp

dưỡng tiền nuôi con do chị L không có yêu cầu. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

4. Về tài sản chung: Không xem xét

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Thị L phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn để sung vào công quỹ Nhà nước nhưng được trừ số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí chị L đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003415, ngày 26/7/2022.

6. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm, các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (đối với người có mặt) và trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án (đối với người vắng mặt).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND thị xã B;
- Chi cục THADS thị xã B;
- UBND xã Q;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

***(Đã ký)***

**Tưởng Thị Hà**